

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/DS-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Bi.

Ông Thạch Tân Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc A (Tên thường gọi: Bảy Ánh), sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc A trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào năm 2020 chị Nguyễn Thị Hồng P có vay của bà A tổng cộng số tiền 128.050.000 đồng trong nhiều lần, cụ thể:

Ngày 05/9/2020 (âm lịch), chị P vay của bà A số tiền 42.000.000 đồng, số tiền này xuất phát từ việc bà A tham gia hui do bà Nguyễn Thị Thuý N làm đầu thảo, bà A hót hui giao cho chị P. Chị P cam kết đưa tiền để bà A đóng tiền hui chết nhưng chị P không thực hiện và nợ toàn bộ tiền hui chết tổng cộng là

42.000.000 đồng.

Ngày 21/5/2020 (âm lịch), chị P tiếp tục vay số tiền 40.000.000 đồng, chị P viết biên nhận và ký tên ghi họ tên vào.

Ngoài ra, chị P còn vay 03 lần khác nhưng bà A không nhớ rõ thời gian vì hai bên không lập văn bản, 03 lần này chị P vay lần lượt là 31.200.000 đồng, 10.000.000 đồng và 4.850.000 đồng.

Đến ngày 30/01/2021, chị P đã trả được cho bà A số tiền 20.000.000 đồng và còn nợ lại 108.050.000 đồng. Tuy nhiên, do 03 lần vay sau hiện tại bà A không có chứng cứ để chứng minh nên bà A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà A chỉ yêu cầu chị P trả lại cho bà A số tiền vay còn nợ 20.000.000 đồng và tiền hui còn nợ là 42.000.000 đồng, tổng cộng là 62.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà A không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Chị P chỉ thừa nhận có vay của bà A số tiền 40.000.000 đồng, chị P có viết biên nhận và ký tên ghi họ tên vào biên nhận do bà A cung cấp. Do đã trả được cho bà A 20.000.000 đồng, nên nay chị P đồng ý trả cho bà A số tiền còn lại là 20.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị P xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Riêng đối với số tiền vay và tiền hui còn lại bà A yêu cầu, chị P không đồng ý.

Ngoài ra, chị P không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà A xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 46.050.000 đồng, chỉ yêu cầu chị P trả lại cho bà A số tiền vay còn nợ 20.000.000 đồng và tiền hui còn nợ là 42.000.000 đồng, tổng cộng là 62.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn chị P giữ nguyên ý kiến trình bày. Ngoài ra, bà A yêu cầu triệu tập bà Nguyễn Thị Thuý N, sinh năm 1968, địa chỉ ấp Lý Quàn 2, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng cho bà A về việc bà N biết việc chị P có nợ tiền hui với bà A. Bà N xác định bà A là người trực tiếp tham gia hui do bà N làm đầu thảo, đồng thời có biết việc bà A hốt hui cho bà Phần mượn nhưng việc bà Phần có mượn tiền hui và có trả cho bà A hay chưa bà N không rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên toà, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền vay còn nợ là 46.050.000 đồng. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này và bà A được quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc A:

[3.1] Về hợp đồng vay tài sản: Bà A yêu cầu chị P trả số tiền vay còn nợ 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà A giao nộp 01 Bản chính văn bản ngày 21/5/2020 (âm lịch), thể hiện số tiền giao dịch là 40.000.000 đồng, có chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Hồng P. Do chị P đã trả được số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 31/01/2021 nên bà A chỉ yêu cầu chị P trả 20.000.000 đồng. Lời trình bày và chứng cứ bà A đưa ra đều được chị P thống nhất, chị P đồng ý trả cho bà A số tiền còn nợ theo yêu cầu của bà A. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà A và chị P là có thật, bà A yêu cầu chị P trả số tiền 20.000.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về hợp đồng góp hụi: Bà A yêu cầu chị P trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 42.000.000 đồng nhưng không được chị P thừa nhận. Bà A không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc giữa bà và chị P tồn tại giao dịch hụi. Bà A chỉ cung cấp 01 Bản chính văn bản có chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thuý N, văn bản này thể hiện thông tin giao dịch hụi giữa bà N và bà A vào ngày 20/01/2019 âm lịch với số tiền 32.360.000 đồng. Bà N làm chứng cho bà A, xác nhận việc bà N có tham gia hụi và hốt hụi. Tuy nhiên, văn bản giao dịch hụi và lời làm chứng của bà N không đủ cơ sở để chứng minh chị P có nhận tiền hụi và còn nợ lại tiền hụi 42.000.000 đồng với bà A. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của bà A là không có cơ sở không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Chị P yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ 20.000.000 đồng, nhưng không được bà A đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc chị P chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc

bà A yêu cầu chị P thực hiện việc trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Bà A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận một phần nên bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà A là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên được Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A về việc buộc chị Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền vay còn nợ 46.050.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà A được quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Thị Ngọc A số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc A về việc buộc chị Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền hui còn nợ 42.000.000 đồng

(Bốn mươi hai triệu đồng).

4. **Án phí:**

Bà Huỳnh Thị Ngọc A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Hồng P phải nộp 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm